AMERSHAM INDUSTRIES LIMITED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 64/2013-BCGD

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 39704
Giờ Ngày 6 tháng 12 năm 13

Ngày/ Date: 06/12/2013

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

REPORT ON TRADING PLAN OF RELATED ORGANIZATION TO INSIDE SHAREHOLDER

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước (State Securities Commission)**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoChiMinh Stock Exchange)**
- **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company)**

1. Tên tổ chức thực hiện giao dịch (*Name of trading investor*): **Amersham Industries Limited**
   Số chứng nhận DKKD (*Incorporation certificate number*): **419641**
   cấp ngày (*dated on*) **01/12/2000** tại (*issued by*) **British Virgin Islands**
   Quốc tịch (*Nationality*): **British Virgin Islands**
   Địa chỉ liên hệ (*Contact address*): **c/o 1901 Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Q.1, Tp.HCM**
   Điện thoại liên hệ (*Tel*): **08. 3 823 9355** Fax: **08. 3 823 9366**
   Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (*Current position of listed organization*): **Tổ chức có liên quan/ *Related organization***
2. Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (*Name of related person in the listing organisation*): **Lê Anh Minh**
   Số CMND (*ID number*): ---------- cấp ngày (*dated on*): tại (*issued by*): **TP.HCM**
   Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (*Current title of related person in the listing organisation*): **Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Management Board***
   Quan hệ của tổ chức thực hiện giao dịch với người có liên quan (*Relationship between related person and the trading investor*): **Người đại diện được chỉ định/ *the designated representative***
   Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ (*Volume of shares, percentage of ownership that currently held by related person*): **0 cổ phiếu/ share**
3. Mã chứng khoán giao dịch (*Code of the securities*): **VNM**
4. Số tài khoản giao dịch (*No. of securities trading account*):
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch (*Volume and percentage of shares held by the trader before transaction*): **16.621.710 cổ phiếu/ shares (1,99%)**
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký bán (*Volume of shares registered to sell*): **4.600.000 cổ phiếu/ *shares***
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (*Volume and percentage of shares held by the trader after transaction*): **12.021.710 cổ phiếu/ shares (1,44%)**
8. Mục đích thực hiện giao dịch (*Purpose of transaction*): cơ cấu danh mục đầu tư/ Portfolio restructure
9. Phương thức giao dịch (*Trading method*): **thoả thuận/ *put through***
10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch (*Estimated trading period*): **từ ngày/ *from date* 11/12/2013 đến ngày/ to date 9/1/2014**